| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**QUẬN Ô MÔN**<br>**THÀNH PHỐ CẦN THƠ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số:16/2019/DS-ST
Ngày: 02/8/2019
V/v: "Tranh chấp đòi lại tài sản".

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô MÔN, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Oanh.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1/ Ông Hồ Quốc Trung

2/ Ông Phan Thanh Sơn

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Huỳnh Thanh Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ô Môn, thành Phố Cần Thơ: Ông Nguyễn Thành Phước-Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 67/2018/TLST-DS ngày 19 tháng 6 năm 2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2019/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn*: Bà **Võ Bích L**, sinh 196* (có mặt).

Địa chỉ: ấp Bảy Nh, xã Lại S, huyện Kiên H, tỉnh Kiên Giang.

*Bị đơn:* 1/ Ông **Tăng Thạch S**, sinh 196*

2/ Bà **Nguyễn Thị Th**, sinh năm 196*

Địa chỉ: Khu vực Thới L, phường Th, quận Ô, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

Ông **Tăng Hoàng T,** sinh ngày 09/5/196*.

Đại diện ủy quyền bà **Võ Bích L**, sinh 196*.

Cùng địa chỉ: Ấp Bảy Nh, xã Lại S, huyện Kiên H, tỉnh Kiên Giang. Văn bản ủy quyền ngày 08/5/2019 (có mặt).

*Người làm chứng:* Bà **Nguyễn Thị Kh**, sinh năm 195* (xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Bảy Nh, xã Lại S, huyện Kiên H, tỉnh Kiên Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*- Theo đơn khởi kiện đề ngày 02/5/2018 của bà Võ Bích L và quá trình giải quyết, nguyên đơn trình bày và yêu cầu như sau:*

Bà L và ông Tăng Thạch S bà con cô cậu, trong lúc khó khăn vợ chồng ông S có đến nhà bà L vay như sau:

Năm 2007 vay 02 chỉ vàng 24k, 2,7 chỉ vàng 18 k và 8.000.000 đồng, không có lãi, tiếp theo đó khoảng mười mấy ngày sau bà L vay của bà Nguyễn Thị Kh 8.000.000 đồng và 20 chỉ vàng 24k để đưa ông S vay lại, lãi suất 1.200.000 đồng/tháng và hẹn khoảng 01 tháng trả lại.

Đến khoảng tháng 3 năm 2008 thì ông S trả 20.000.000 đồng (đương đương 05 chỉ vàng 24k, 8.000.000 đồng và lãi của số tiền 8.000.000 đồng) cho bà L để bà trả cho bà Kh, số nợ nguyên đơn vay của bà Kh còn lại 15 chỉ vàng 24k và nguyên đơn đã thanh toán xong.

Ngày 30/9/2008 thì ông S thế chấp 01 chiếc xe còn mới, chưa có biển số cho nguyên đơn trị giá 10.000.000 đồng, nhưng nguyên đơn chưa đưa tiền cho bị đơn và không có cấn trừ tiền thế chấp chiếc xe vào số nợ. Từ đó đến nay bị đơn không trả thêm gì nữa. Đối với chiếc xe nguyên đơn đã đưa cho chồng là anh Tăng Hoàng T đăng ký và sử dụng xe.

Do đó nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại 76.570.000 đồng (Trong đó: 17 chỉ vàng 24k x 3.700.000 đồng = 62.900.000 đồng; 02 chỉ 07 phân vàng 18k x 2.100.000 đồng = 5.670.000 đồng và 8.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi).

*Bị đơn –ông Tăng Thạch S trình bày:*

Bị đơn thừa nhận các tờ cam kết trả nợ ngày 31/09/2008, tờ cam kết trả nợ ngày 5 âm lịch năm 2008, tờ thế chấp tài sản ngày 30/09/2007, tờ cam kết ngày 09/4/2007 là do ông S tự viết và ký tên. Tổng số nợ ông Sùng thiếu của bà L là 8.000.000 đồng; 02 chỉ vàng 24k; 2,7 chỉ vàng 18 k vào năm 2008, tiếp theo đó khoảng mười mấy ngày sau chị L vay của bà Kh 8.000.000 đồng và 20 chỉ vàng 24k để cho ông S vay lại và hẹn khoảng 01 tháng trả lại, để kinh doanh mua bán xe cho cá nhân ông và hứa đến năm 2008 sẽ trả hết nợ.

Đến cuối năm 2008 ông S đã trả cho bà L 28.500.000 đồng (Trong đó đã quy ra 05 vàng 24 k; 20.000.000 đồng) tại quán cà phê cập với Ngân hàng Nông nghiệp ở quận Ô Môn lúc đó có bà Kh và bà L đã trả cho bà Kh và đưa cho bà L chiếc xe Airblade (chưa có biển số) trị giá chiếc xe lúc đó là 28.000.000đồng. Bị đơn ông S cho rằng đã trả đủ số tiền, vàng đã vay của nguyên đơn nhưng không có viết biên nhận trả tiền và vàng do hai bên là bà con. Bị đơn không đồng ý yêu cầu trả số tiền, vàng như yêu cầu của nguyên đơn.

*Bị đơn bà Nguyễn Thị Th trình bày*: Bà Th thừa nhận có ký tên vào tờ cam kết trả nợ vào 31/8/2008 để bà L không làm khó ông S. Bà Th không thừa nhận và không ký tên vào biên bản ngày 09/4/2008. Bà Th có giao 20.000.000 và 5 chỉ

vàng 24k cho ông S để ông S trả cho nguyên đơn.

Bà Th trình bày số tiền ông S vay của nguyên đơn bà không biết. Không đem về chi tiêu gia đình. Đây là việc cá nhân của ông S, bà không đồng ý cùng ông S trả nợ.

*Nguyên đơn và bị đơn* thỏa thuận thống nhất chiếc xe giá 24.500.000 đồng, nhưng sau đó nguyên đơn bà L tự đồng ý giá trị xe là 27.000.000 đồng để trừ vào số nợ của bị đơn.

*Người có quyền và nghĩa vụ liên quan:* Ông Tăng Hoàng T đã được tòa án tống đạt Thông báo thụ lý vụ án số 67/2018/TBTL-DS ngày 19/6/2018, văn để tham gia các phiên họp họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và đối chất vào ngày 03/8/2018 và 31/01/2019 nhưng ông T vắng mặt không rõ lý do.

Theo bản tự khai ngày 02/8/2019 bà L đại diện cho ông T trình: Anh T có nhận chiếc xe Airblade (chưa có biển số) của ông S, lúc đó chưa có giấy xuất xưởng của cửa hàng xe, đến ngày 04/5/2011 nộp thuế trước bạ để lấy biển số xe, nay đồng ý giá trị xe là 27.000.000 đồng để trừ vào số nợ nêu trên.

*Người làm chứng bà Nguyễn Thị Kh trình bày tại bản tự khai ngày 12/9/2018 như sau:*

Bà Kh và bà L là hàng xóm, bà Kh không có quan hệ bà con với vợ chồng ông Tăng Thạch S và bà Nguyễn Thị Th cũng không quen biết trước.

Vào khoản năm 2008 bà L có vay của bà Kh một chiếc lắc trọng lượng là 20 chỉ vàng 24k và 8.000.000 đồng, lúc đó có vợ chồng bà L, lãi suất thỏa thuận không nhớ, bà L có đưa cho bà Kh giấy tờ nhà đất tại Lại Sơn để làm tin cho số tiền và vàng như trên.

Bà L có nói số tiền và vàng vay trên là để cho ông S đóng thuế Hải quan.

Bà Kh cho rằng bà cho bà L vay chứ không cho ông S vay, việc bà L cho ông S vay là việc riêng của bà L với ông S.

Đến cuối năm 2008 ông S có trả cho bà L 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) trong đó gồm có 05 chỉ vàng 24k được quy ra tiền mặt nhưng bà Kh không nhớ rõ là bao nhiêu, 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng) và phần tiền lãi của số tiền 8.000.000 đồng, tại quán cà phê đối diện Ngân hàng nông nghiệp quận Ô Môn lúc đó có bà Kh, bà L, ông T và ông S, sau đó bà L kêu bà Kh nhận số tiền 20.000.000 đồng. Tại thời điểm này ông S viết biên nhận trực tiếp với bà Kh là ông S còn nợ bà Kh 15 chỉ vàng 24k (trong biên nhận ghi một cây rưỡi vàng 24k, biên nhận do ông S tự ghi và ký tên).

Ông S cho rằng tại thời điểm trên ông S trả 05 chỉ vàng 24k và 20.000.000 đồng là không đúng, ông S chỉ trả 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) trong đó gồm 05 chỉ vàng 24k đã quy ra thành tiền.

Đối với số vàng còn lại 15 chỉ vàng 24k mặt dù biên nhận ghi là ông S nợ bà Kh nhưng thực tế là bà L đã trả xong cho bà Kh. Ngoài ra giữa bà Kh và ông S không còn thanh toán khoản tiền nào khác.

Đối với chiếc xe Airblade, chưa có biển số ông S đã giao cho bà L.

Tại phiên tòa nguyên đơn trình bày: Theo đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại 76.570.000 đồng (Trong đó: 17 chỉ vàng 24k x 3.700.000 đồng = 62.900.000 đồng; 02 chỉ 07 phân vàng 18k x 2.100.000 đồng = 5.670.000 đồng và 8.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi), nguyên đơn tự trừ giá trị chiếc xe là 27.000.000 đồng vào số nợ tiền, vàng mà các bị đơn đã nợ.

Nguyên đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể là rút lại đòi 8.000.000 đồng và 06 chỉ 07 phân vàng 24k, chỉ yêu cầu các bị đơn trả 10 chỉ 03 phân vàng 24k và 02 chỉ 07 phân vàng 18k, không yêu cầu tính lãi suất từ khi vay đến giai đoạn thi hành án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ phát biểu:

Về thủ tục: Từ khi thụ lý cho đến khi quyết định đưa vụ án ra xét xử, các trình tự thủ tục tố tụng khác trong quá trình thụ lý, xét xử sơ thẩm đều tuân theo pháp luật quy định và đề nghị Hội đồng xét xử xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án: Chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với việc yêu cầu các bị đơn trả 10 chỉ 03 phân vàng 24k và 02 chỉ 07 phân vàng 18k, không yêu cầu tính lãi suất từ khi vay và đến giai đoạn thi hành án. Đình chỉ 01 phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cụ thể là số tiền 8.000.000 đồng và 06 chỉ 07 phân vàng 24k do nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện.

Các bị đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả dự phí khởi kiện cho nguyên đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Võ Bích L yêu cầu bị đơn ông Tăng Thạch S và bà Nguyễn Thị Th trả số tiền 76.570.000 đồng (Bảy mươi sáu triệu năm trăm bảy mươi nghìn đồng). Trong đó: 17 chỉ vàng 24k x 3.700.000 đồng = số tiền là 62.900.000 đồng, 02 chỉ bảy phân vàng 18k x 2.100.000 đồng = 5.670.000 đồng, 8.000.000 đồng tiền mặt do bị đơn ông S vay năm 2008 và không yêu cầu tính lãi suất do đó quan hệ tranh chấp được xác định là "Tranh chấp đòi lại tài sản". Tòa án đã thụ lý tranh chấp Hợp đồng vay tài sản là chưa chính xác cần điều chỉnh lại. Bị đơn cư trú tại khu vực Thới L, phường Thới A, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ông Tăng Thạch S và bà Nguyễn Thị Th là bị đơn, đã được Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ triệu tập hợp lệ đến phiên tòa nhưng vắng mặt lần thứ ba. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung: Theo đơn khởi kiện, các chứng cứ có trong hồ sơ và các biên bản làm việc nguyên đơn và bị đơn thống nhất số nợ tổng cộng tiền 16.000.000 đồng; 22 chỉ vàng 24k và 2,7 chỉ vàng 18k vào năm 2008 hẹn khoảng 01 tháng trả lại, để kinh doanh mua bán xe cho cá nhân ông và hứa đến năm 2008 sẽ trả hết nợ.

Nguyên đơn thừa nhận có nhận của bị đơn 01 chiếc xe và khoảng tháng 3 năm 2008 thì ông S trả 20.000.000 đồng (đương đương 05 chỉ vàng 24k, 8.000.000 đồng và lãi của số tiền 8.000.000 đồng) cho bà L để bà trả cho bà Kh, số nợ nguyên đơn vay của bà Kh còn lại 15 chỉ vàng 24k, nguyên đơn thanh toán xong.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu các bị đơn trả lại 76.570.000 đồng (Trong đó: 17 chỉ vàng 24k x 3.700.000 đồng = 62.900.000 đồng; 02 chỉ 07 phân vàng 18k x2.100.000 đồng = 5.670.000 đồng và 8.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi), sau đó nguyên đơn bà L, đồng thời đại diện cho ông T tự trừ giá trị chiếc xe 27.000.000 đồng cho các bị đơn.

Nguyên đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể là rút lại đòi 8.000.000 đồng và 06 chỉ 07 phân vàng 24k, chỉ yêu cầu các bị đơn trả 10 chỉ 03 phân vàng 24k và 02 chỉ 07 phân vàng 18k, không yêu cầu tính lãi suất từ khi vay đến giai đoạn thi hành án.

Tuy nhiên bị đơn ông S cho rằng đã trả cho nguyên đơn 28.500.000 đồng (Trong đó đã quy ra 05 vàng 24 k; 20.000.000 đồng) nhưng hai bên không có viết biên nhận, tại quán cà phê cập với Ngân hàng Nông nghiệp ở quận Ô Môn lúc đó có bà Kh và bà L đã trả cho bà Kh và đưa cho bà L chiếc xe Airblade (chưa có biển số) trị giá chiếc xe lúc đó là 28.000.000 đồng. Bị đơn cho rằng đã trả đủ số tiền, vàng đã nợ của nguyên đơn; Nhưng nguyên đơn chỉ thừa nhận có nhận của bị đơn 20.000.000 đồng (đương đương 05 chỉ vàng 24k, 8.000.000 đồng và lãi của số tiền 8.000.000 đồng) và chiếc xe như bị đơn trình bày, chứ không phải 28.500.000 đồng như bị đơn trình bày, bị đơn không cung cấp được chứng cứ, chứng minh cho việc trả nợ 28.500.000 đồng của bị đơn nên chưa đủ cơ sở xem xét.

Bà Th cho rằng bà đã giao 20.000.000 đồng và 05 chỉ vàng 24k cho ông S để trả nợ cho nguyên đơn, vì vậy bà Th không đồng ý cùng ông S trả nợ là không có căn cứ bởi vì bà có ký tên vào tờ cam kết trả nợ vào 31/8/2008 và bà cũng không cung cấp được chứng từ gì khác để chứng minh cho phần trình bày của bà.

Theo công văn ngày 10/6/2019 Công ty TMHH Hồng Đức-Chi nhánh Ô Môn xác nhận xe Airblade bán ra vào năm 2008 có giá khoảng 27.000.000 đồng - 28.000.000 đồng.

Theo công văn số 254 ngày 14/6/2019 của Cục thống kê thành phố Cần Thơ giá vàng được xác định như sau:

*Giá vàng 9999.* Ngày 30/12/2008 mua vào 1.775.000 đồng/chỉ, bán ra 1.782.000 đồng/chỉ; Ngày 11/6/2019 mua vào 3.705.000 đồng/chỉ, bán ra 3.735.000 đồng/chỉ.

*Giá vàng 18k.* Ngày 30/12/2008 mua vào 1.292.000 đồng/chỉ, bán ra 1.352.000 đồng/chỉ; Ngày 11/6/2019 mua vào 2.711.000 đồng/chỉ, bán ra 2.831.000 đồng/chỉ.

Việc bị đơn không thanh toán được số nợ của nguyên đơn là vi phạm quy định về nghĩa vụ của bên trả nợ được quy định tại Điều 474 của Bộ luật Dân sự, đồng thời gây khó khăn cho nguyên đơn trong việc thu hồi vốn, gây thiệt thòi quyền lợi cho nguyên đơn. Việc nguyên đơn yêu cầu ông S và bà Th trả số tiền 76.570.000 đồng (Bảy mươi sáu triệu năm trăm bảy mươi nghìn đồng), trong đó: 17 chỉ vàng 24k x 3.700.000 đồng = số tiền là 62.900.000 đồng, 02 chỉ bảy phân vàng 18k x2.100.000 đồng = 5.670.000 đồng, 8.000.000 đồng tiền mặt và không yêu cầu tính lãi suất, tại phiên tòa nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể là rút lại việc yêu cầu các bị đơn thanh toán số tiền 8.000.000 đồng và 06 chỉ 07 phân vàng 24k đây là ý trí tự nguyện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Do đó Hội đồng xét xử đình chỉ 01 phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cụ thể là số tiền 8.000.000 đồng và 06 chỉ 07 phân vàng 24k do nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với việc yêu cầu các bị đơn trả 10 chỉ 03 phân vàng 24k và 02 chỉ 07 phân vàng 18k, không yêu cầu tính lãi suất từ khi vay và đến giai đoạn thi hành án nên có căn cứ chấp nhận.

Do đó, đề nghị của Kiểm sát viên là: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với việc yêu cầu các bị đơn trả 10 chỉ 03 phân vàng 24k và 02 chỉ 07 phân vàng 18k, không yêu cầu tính lãi suất từ khi vay và đến giai đoạn thi hành án là có căn cứ chấp nhận. Đình chỉ 01 phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cụ thể là số tiền 8.000.000 đồng và 06 chỉ 07 phân vàng 24k do nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông S và bà Th chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí.

[6] Quyền kháng cáo của các đương sự được thực hiện theo quy định tại các Điều 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều:

Điều 256, 257, 471 và 474 Bộ luật Dân sự năm 2005.

- Khoản 1 Điều 92, Điều 335, 342, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 92, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Bích L. Buộc các bị đơn ông Tăng Thạch S và bà Nguyễn Thị Th trả cho nguyên đơn Võ Bích L 10 chỉ 03 phân vàng 24k và 02 chỉ 07 phân vàng 18k, không tính lãi suất từ khi vay và đến giai đoạn thi hành án.

- Đình chỉ 01 phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cụ thể là số tiền 8.000.000 đồng và 06 chỉ 07 phân vàng 24k do nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông S và bà Th phải chịu số tiền làm tròn là 2.305.000 đồng (Hai triệu, ba trăm, lẽ năm nghìn đồng).

Nguyên đơn bà L được nhận lại số tiền 1.915.000 đồng (Một triệu chín trăm mười lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 001981 ngày 12/6/2018, tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án đươc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
**(Đã ký)**

***Nơi nhận***:
- Đương sự;
- VKSND Q. Ô Môn;
- Chi cục THADS Q. Ô Môn;
- TAND TP. Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Nguyễn Thị Oanh**

| | |
|---|---|
| **CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN** | **THẨM PHÁN**<br>**- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA** |
| …….. …… | **Nguyễn Thị Oanh** |

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

***Nơi nhận***:

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Đương sự;
- VKSND Q. Ô Môn;
- Chi cục THADS Q. Ô Môn;
- TAND TP. Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Nguyễn Thị Oanh**